

Bản án số: 120/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 23 - 8 - 2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Kiên Nhân.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thúy L, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú ấp P, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ nơi ở hiện nay ấp P1, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Nhã T, sinh năm 1995; địa chỉ ấp P, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị Thúy L trình bày:*

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Nguyễn Văn Nhã T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 29/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chí thú làm ăn, chăm lo tạo lập kinh tế chung của gia đình, thường xuyên tham gia cờ bạc, gây nợ. Mặc dù, chị và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ anh T nhưng không đạt kết quả, ngược lại anh T còn lớn tiếng cự cãi, dùng vũ lực đối

với chị dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Nên chị và anh T sống ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay không trở về đoàn tụ. Trong thời gian sống ly thân chị vẫn thường xuyên gửi sữa, gửi tiền về đóng học phí và các chi phí sinh hoạt cho các con. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh T có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 21/6/2017 và Nguyễn Ngọc Nhã A, sinh ngày 27/8/2020 hiện đang sống với anh T. Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu K có bản tự khai trình bày nguyện vọng được sống chung với anh T. Nên chị đồng ý giao cháu K cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho cháu K. Chị giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu A.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án:*

Anh Nguyễn Văn Nhã T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn Nhã T trình bày:*

Thống nhất lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Theo yêu cầu khởi kiện của chị L, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn chị L.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

**- Về tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố

tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về phạm vi xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét ngoài yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con như nhận định giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

**- Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Xét tại phiên tòa sơ thẩm, chị L và anh T thống nhất thuận tình ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T.

[2] Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét cháu K đã trên 07 tuổi có nguyện vọng muốn được sống chung với anh T; cháu A là trẻ em gái, còn trong độ tuổi cần được sự chăm sóc ân cần, chu đáo của người mẹ trong việc phát triển về tâm sinh lý của nữ giới; về điều kiện kinh tế, chị L và anh T đều là công nhân chỉ đảm bảo khả năng nuôi dưỡng 01 người con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu K, cháu A, cũng như nguyện vọng của cháu K. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết: Buộc anh T có nghĩa vụ giao cháu A cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu A; giao cháu K cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho cháu K; chị L, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2] “*Về tố tụng*” và các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, chấp nhận một phần ý kiến đề nghị của anh T giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

**- Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị L phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng, số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Thúy L và anh Nguyễn Văn Nhã T.

**2.** Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Buộc anh Nguyễn Văn Nhã T có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Ngọc Nhã A, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2020 cho chị Phạm Thị Thúy L được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu A.

2.2. Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2017 cho anh Nguyễn Văn Nhã T được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của anh T không yêu cầu chị Phạm Thị Thúy L cấp dưỡng cho cháu K.

2.3. Chị Phạm Thị Thúy L, anh Nguyễn Văn Nhã T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Thúy L phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số NQ 0014169 ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Phạm Thị Thúy L, anh Nguyễn Văn Nhã T. Báo cho chị L, anh T biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã T1: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Cao Minh Tân**

